

Số: 2396/QĐ-ĐHNT

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

CƠ SỞ II TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 488  
Ngày: 03/06/2022

Chuyển: B. KHTC

Số và ký hiệu HS: HHTU

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên hệ chính quy

HHTU TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 02/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Ngoại thương giai đoạn 2015-2017 (kéo dài theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017);

Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tập tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/08/2013 về sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Bản chính : Ban KHTC

Scan : BGĐ, CVĐ, viên chức CSII

Ngày 03 tháng 06 năm 2022



Căn cứ thỏa thuận giữa Trường Đại học Ngoại thương và Tài đoàn học bổng quốc tế Mabuchi ngày 01/09/2011;

Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trường phòng Quản lý khoa học, Bí thư Đoàn thanh niên, Giám đốc Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo FTU, Giám đốc Cơ sở II tại thành phố Hồ Chí Minh và Giám đốc Cơ sở Quảng Ninh,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Ngoại thương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 40/QĐ-ĐHNT ngày 16/01/2017 của Trường Đại học Ngoại thương ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên hệ chính quy.

**Điều 3.** Các ông/bà Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trường phòng Quản lý khoa học, Bí thư Đoàn thanh niên, Giám đốc Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo FTU, Giám đốc Cơ sở II tại thành phố Hồ Chí Minh và Giám đốc Cơ sở Quảng Ninh, Trường các đơn vị liên quan và sinh viên hệ chính quy trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- CT HĐT, BGH (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC



PGS.TS. Bùi Anh Tuấn

**QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2396/QĐ-ĐHNT ngày 29 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại thương)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Văn bản này quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên hệ chính quy, bao gồm: quỹ học bổng khuyến khích học tập; miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học; học bổng cho vay không lãi suất FTU-Mabuchi; hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên; hỗ trợ các hoạt động đoàn thể, hoạt động câu lạc bộ và hỗ trợ khác dành cho sinh viên.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sinh viên* là sinh viên hệ chính quy hiện đang theo học tại các chuyên ngành đào tạo trong toàn trường (tại Trụ sở chính Hà Nội, Cơ sở II TP.HCM và Cơ sở Quảng Ninh).

2. *Câu lạc bộ* (viết tắt là CLB) bao gồm câu lạc bộ sinh viên tại Trụ sở chính và 2 cơ sở của Nhà trường do Nhà trường, tổ chức đoàn thể thành lập và đăng ký hoạt động với Nhà trường. CLB hoạt động dưới sự quản lý của Đoàn Thanh niên.

Đoàn Thanh niên sẽ là đơn vị đầu mối của các CLB để thực hiện thủ tục với Nhà trường và các đơn vị chức năng trong Trường. Đối với cuộc thi chuyên môn và nghiên cứu khoa học, CLB có thể được bảo trợ bởi các Viện/Khoa chuyên môn.

3. *Tiềm lực khoa học công nghệ* (viết tắt là *tiềm lực KHCN*) bao gồm nhân lực nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ, trang thiết bị nhằm hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KHCN.

4. *Hoạt động khoa học công nghệ* (viết tắt là *hoạt động KHCN*) bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KHCN, áp dụng sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KHCN.

5. *Cuộc thi chuyên môn*: Cuộc thi chuyên môn là cuộc thi về kiến thức và kỹ năng liên quan tới một hoặc nhiều lĩnh vực trong các chuyên ngành đào tạo hiện tại hoặc trong kế hoạch phát triển của Nhà trường.

6. *Khởi nghiệp* là việc bắt đầu một công việc kinh doanh, bao gồm khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp doanh nghiệp xã hội.

7. *Đổi mới sáng tạo* là việc tạo ra, ứng dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật và công nghệ, các giải pháp quản lý nhằm cải thiện hiệu quả của phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm và dịch vụ.

8. *Hoạt động nâng cao năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên* bao gồm các khoá đào tạo, tọa đàm, hội thảo, trại hè, hoạt động giao lưu, kết nối mạng lưới



đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của sinh viên, và các hoạt động khác nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và hoạt động đổi mới sáng tạo cho sinh viên.

### **Điều 3. Mục đích và quan điểm xây dựng văn bản**

#### *1. Mục đích*

Quy định này nhằm mục đích:

- a) Tạo điều kiện cho các sinh viên thuộc đối tượng chính sách, sinh viên nghèo, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tham gia học tập tại trường;
- b) Nâng cao năng lực của người học và thu hút sinh viên giỏi tham gia học tập tại trường;
- c) Khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên;
- d) Khuyến khích các sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu và hoạt động phong trào;
- e) Khuyến khích và hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên;
- f) Khuyến khích và phát triển hoạt động ngoại khóa góp phần đào tạo, phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên. Nhà trường định hướng phát triển hoạt động này trở thành một đặc thù, là một trong những thế mạnh nổi bật của Trường;
- g) Hỗ trợ các hoạt động khác của sinh viên phù hợp với triết lý giáo dục, chiến lược phát triển của Trường.

#### *2. Quan điểm xây dựng văn bản*

Xây dựng quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng văn bản; phù hợp các quy định của Nhà nước và đề án tự chủ của nhà trường về chính sách học bổng và hỗ trợ sinh viên; đảm bảo đảm bảo khả năng tiếp cận giáo dục đại học bình đẳng của người học và phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường và của sinh viên; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các đơn vị, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành quy định.

### **Điều 4. Nguồn hình thành và phạm vi áp dụng của các nguồn kinh phí hỗ trợ**

#### *1. Nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước*

a) Nguồn kinh phí: Do ngân sách Nhà nước cấp để hỗ trợ cho các đối tượng chính sách. Nội dung miễn, giảm học phí thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Nội dung về hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tập tại các cơ sở giáo dục đại học.

b) Phạm vi áp dụng: Ngân sách nhà nước tài trợ cho phần miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng chính sách tính theo khung học phí Nhà nước quy định tại Chương III của Quy định này.

#### *2. Nguồn kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sinh viên*

Hàng năm, Nhà trường trích Quỹ hỗ trợ sinh viên từ lãi tiền gửi ngân hàng của Nhà trường, các nguồn thu khác của Nhà trường (nếu có) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức ngoài Trường.

*a) Quỹ học bổng khuyến khích học tập*

- Nguồn kinh phí: từ Quỹ hỗ trợ sinh viên.  
- Phạm vi áp dụng: Quỹ học bổng khuyến khích học tập được dùng để cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên hệ chính quy thuộc đối tượng quy định tại Chương II của Quy định này.

*b) Kinh phí dành cho sinh viên NCKH và cuộc thi chuyên môn*

- Nguồn kinh phí: từ Quỹ hỗ trợ sinh viên.  
- Phạm vi áp dụng: Ngân sách Nhà trường dành cho sinh viên NCKH và cuộc thi chuyên môn tài trợ cho các đối tượng quy định tại Chương IV của Quy định này.

*c) Kinh phí dành cho hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên*

- Nguồn kinh phí: từ Quỹ hỗ trợ sinh viên.  
- Phạm vi áp dụng: Ngân sách Nhà trường dành cho khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tài trợ cho các đối tượng quy định tại Chương VI của Quy định này.

*d) Kinh phí hỗ trợ các hoạt động khác của sinh viên*

- Nguồn kinh phí: từ Quỹ hỗ trợ sinh viên.  
- Phạm vi áp dụng: Ngân sách Nhà trường dành để hỗ trợ các hoạt động khác của sinh viên tài trợ cho các đối tượng quy định tại Chương VII của Quy định này, và tài trợ cho phân chênh lệch miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tính theo khung học phí của Nhà trường và khung học phí Nhà nước cho các đối tượng thuộc diện chính sách quy định tại Chương III của Quy định này.

*3. Nguồn kinh phí từ Quỹ học bổng FTU-Mabuchi*

a) Nguồn kinh phí: Do Tài đoàn học bổng quốc tế Mabuchi (Nhật Bản) tài trợ

b) Phạm vi áp dụng: Quỹ học bổng FTU-Mabuchi dành riêng tài trợ cho đối tượng quy định tại Chương V của Quy định này.

**Điều 5. Nguyên tắc tiếp nhận tài trợ từ các cá nhân, tổ chức ngoài Trường**

Việc tiếp nhận tài trợ từ các cá nhân, tổ chức ngoài Trường phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà tài trợ trong việc tài trợ học bổng, hỗ trợ người học vì mục đích khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và hỗ trợ các hoạt động khác của Nhà trường.

2. Đơn vị tiếp nhận học bổng, trợ cấp thương thảo với nhà tài trợ về các yêu cầu cụ thể đối với các bên liên quan, thống nhất với nhà tài trợ bằng văn bản tài trợ học bổng, trợ cấp.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

**Điều 6. Đối tượng và mức hỗ trợ**

Quỹ học bổng khuyến khích học tập (KKHT) được dành cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên đại học hệ chính quy, học bổng được xác định riêng cho từng cơ sở đào tạo của trường, cụ thể như sau:

**1. Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên có kết quả học tập tốt (Học bổng A)**

**a) Đối tượng xét học bổng**

Sinh viên thuộc diện được xét học bổng KKHT dành cho sinh viên có kết quả học tập tốt phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có kết quả học tập, rèn luyện từ loại Khá trở lên.
- Không bị kỷ luật từ mức khiển trách cấp trường trở lên trong học kỳ xét học bổng. Trong trường hợp bị kỷ luật trước đó, nếu thời gian có hiệu lực kỷ luật nằm trong thời gian xét cấp học bổng thì cũng không thuộc đối tượng xét, cấp học bổng.
- Sinh viên thuộc diện trợ cấp xã hội và sinh viên diện chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng theo quy định này thì được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập như những sinh viên khác.
- Học bổng KKHT chỉ được xét cho sinh viên trong thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá (gồm 8 học kỳ chính, tương đương với 4 năm học) theo quy định của nhà trường. Trường hợp có học kỳ Hè thi điểm được tính vào TBC HT học kỳ 2 của năm học đó. Thời gian nghỉ học tạm thời, kéo dài và thời gian học chương trình thứ hai không được xét cấp học bổng.

**b) Xếp loại học bổng**

Xếp loại học bổng được xác định như sau:

Xếp loại học bổng	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện
Xuất sắc	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Xuất sắc
Giỏi	Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0)	Tốt, Xuất sắc
	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Tốt
Khá	Khá (từ 7,0 đến cận 8,0)	Khá, Tốt, Xuất sắc
	Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0)	Khá
	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Khá

**c) Mức học bổng**

Học bổng khuyến khích học tập bao gồm ba mức:

- Mức học bổng loại Khá: Cấp cho những sinh viên có xếp loại học bổng loại Khá.
- Mức học bổng loại Giỏi: Mức học bổng cao hơn loại Khá, cấp cho những sinh viên có xếp loại học bổng loại Giỏi.
- Mức học bổng loại Xuất sắc: Mức học bổng cao hơn loại Giỏi, cấp cho những sinh viên có xếp loại học bổng loại Xuất sắc.

Mức học bổng từng loại sẽ được nhà trường quy định cụ thể cho từng năm học căn cứ vào mức học phí và Quỹ học bổng khuyến khích học tập của từng năm học.

Điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện được xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong đó điểm trung bình chung học tập để xét học bổng theo quy định này được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất.

d) Học bổng KKHT dành cho sinh viên có thành tích học tập tốt được xét cho từng học kỳ và được cấp cho 10 tháng/năm học. Sinh viên nhận học bổng A vẫn có thể nhận học bổng B, D, E (không được nhận học bổng C).

## 2. Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên các chương trình đào tạo đặc biệt (Học bổng B)

Ngoài học bổng KKHT dành cho sinh viên có kết quả học tập tốt quy định theo Khoản 1 Điều này, sinh viên thuộc các chương trình đào tạo đặc biệt còn được cấp học bổng dành cho chương trình đào tạo đặc biệt. Chi tiết như sau:

### a) Đối tượng xét học bổng

Sinh viên thuộc các chương trình đào tạo đặc biệt của Nhà trường (bao gồm chất lượng cao/định hướng nghề nghiệp/chương trình tiên tiến) đạt kết quả học tập thuộc nhóm 10% những sinh viên có thành tích học tập tốt nhất theo từng chương trình đào tạo và có kết quả rèn luyện đạt loại Tốt trở lên.

Sinh viên thuộc diện xét học bổng phải không bị kỷ luật từ mức khiển trách cấp trường trở lên trong học kỳ xét học bổng. Trong trường hợp bị kỷ luật trước đó, nếu thời gian có hiệu lực kỷ luật nằm trong thời gian xét cấp học bổng thì cũng không thuộc đối tượng xét, cấp học bổng.

Học bổng KKHT chỉ được xét cho sinh viên trong thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá (gồm 8 học kỳ chính, tương đương với 4 năm học) theo quy định của nhà trường. Trường hợp có học kỳ Hè thì điểm được tính vào TBC HT học kỳ 2 của năm học đó. Thời gian nghỉ học tạm thời, kéo dài và thời gian học chương trình thứ hai không được xét cấp học bổng.

### b) Xếp loại học bổng

Xếp loại học bổng được xác định như sau:

Xếp loại học bổng	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện
Xuất sắc	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Xuất sắc
Giỏi	Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0)	Tốt, Xuất sắc
	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Tốt
Khá	Khá (từ 7,0 đến cận 8,0)	Khá, Tốt, Xuất sắc
	Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0)	Khá
	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Khá

### c) Mức học bổng

Học bổng khuyến khích học tập bao gồm hai mức:

- Đối với chương trình CT C và tương đương: 6.000.000 đ sinh viên/kỳ.
- Đối với CTTT: 12.000.000 đ sinh viên/kỳ.

Mức học bổng từng loại sẽ được nhà trường quy định cụ thể cho từng năm học căn cứ vào mức học phí và Quỹ học bổng khuyến khích học tập của từng năm học.

Điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện được xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong đó điểm trung bình chung học tập để xét học bổng theo quy định này được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất.

d) Học bổng KKHT dành cho sinh viên các chương trình đào tạo đặc biệt được xét cho từng học kỳ và được cấp 10 tháng/năm học. Sinh viên nhận học bổng B vẫn có thể nhận học bổng A, D, E (không được nhận học bổng C).

### 3. Học bổng khuyến khích học tập dành cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt (Học bổng C)

#### a) Đối tượng xét học bổng

Sinh viên thuộc diện được xét học bổng KKHT dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Sinh viên thuộc một trong các đối tượng: Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật; Sinh viên không có nguồn nuôi dưỡng; Sinh viên có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ; Sinh viên ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; Sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo; Sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, con thương binh, con bệnh binh, con của nạn nhân nhiễm chất độc hóa học; Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương... có khó khăn về kinh tế (do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định).

- Có kết quả học tập nằm trong nhóm 50% sinh viên có kết quả học tập cao nhất của các chương trình đào tạo và có kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên.

- Chưa được cấp học bổng theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 điều này.

- Sinh viên thuộc diện xét học bổng phải không bị kỷ luật từ mức Khiển trách cấp Trường trở lên trong học kỳ xét học bổng. Trong trường hợp bị kỷ luật trước đó, nếu thời gian có hiệu lực kỷ luật nằm trong thời gian xét cấp học bổng thì cũng không thuộc đối tượng xét, cấp học bổng.

- Học bổng KKHT chỉ được xét cho sinh viên trong thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá (gồm 8 học kỳ chính, tương đương với 4 năm học) theo quy định của nhà trường. Trường hợp có học kỳ Hè thi điểm được tính vào TBC HT học kỳ 2 của năm học đó. Thời gian nghỉ học tạm thời, kéo dài và thời gian học chương trình thứ hai không được xét cấp học bổng.

#### b) Xếp loại học bổng

Xếp loại học bổng được xác định như sau:

Xếp loại học bổng	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện
Xuất sắc	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Xuất sắc
Giỏi	Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0)	Tốt, Xuất sắc
	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Tốt

Khá	Khá (từ 7,0 đến cận 8,0)	Khá, Tốt, Xuất sắc
	Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0)	Khá
	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Khá

*c) Mức học bổng*

Học bổng khuyến khích học tập bao gồm ba mức:

- Mức học bổng loại Khá: Cấp cho những sinh viên có xếp loại học bổng loại Khá.
- Mức học bổng loại Giỏi: Mức học bổng cao hơn loại Khá, cấp cho những sinh viên có xếp loại học bổng loại Giỏi.
- Mức học bổng loại Xuất sắc: Mức học bổng cao hơn loại Giỏi, cấp cho những sinh viên có xếp loại học bổng loại Xuất sắc.

Mức học bổng từng loại sẽ được nhà trường quy định cụ thể cho từng năm học căn cứ vào mức học phí và Quỹ học bổng khuyến khích học tập của từng năm học.

Điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện được xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong đó điểm trung bình chung học tập để xét học bổng theo quy định này được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất.

*d) Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt được xét cho từng học kỳ và được cấp 10 tháng/năm học. Sinh viên nhận học bổng C vẫn có thể nhận học bổng D, E (không được nhận học bổng A, B).*

**4. Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên thủ khoa đầu vào, tốt nghiệp (Học bổng D)**

Học bổng KKHT dành cho sinh viên thủ khoa được xét cho từng năm học khi bắt đầu (đối với thủ khoa đầu vào) hoặc kết thúc khóa học (đối với thủ khoa tốt nghiệp).

*a) Đối tượng xét học bổng*

Sinh viên thuộc một trong các đối tượng sau thuộc diện xét cấp học bổng KKHT dành cho sinh viên thủ khoa:

- Sinh viên trúng tuyển đầu vào với kết quả cao nhất (thủ khoa) của từng phương thức tuyển sinh; riêng phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT thì xác định thủ khoa theo từng tổ hợp môn xét tuyển (trong đó tổ hợp D01 đến D06 được tính chung là 1 tổ hợp). Riêng Cơ sở Quảng Ninh chỉ xác định 01 thủ khoa có điểm đầu vào cao nhất.
- Sinh viên có điểm tổng kết cao nhất tốt nghiệp (thủ khoa) từng khóa của từng chương trình đào tạo và kết quả rèn luyện đạt loại Khá trở lên.
- Sinh viên thủ khoa tốt nghiệp thuộc diện xét học bổng phải không bị kỷ luật từ mức khiển trách cấp Trường trở lên trong suốt thời gian học tập tại trường.

*b) Mức học bổng*

Mức học bổng KKHT dành cho sinh viên thủ khoa sẽ được Nhà trường quy định cụ thể cho từng năm học căn cứ vào mức học phí và Quỹ học bổng KKHT của từng năm học.

*c) Sinh viên nhận học bổng D vẫn có thể nhận học bổng A, B, C, E.*

**5. Học bổng khuyến khích học tập trong dịp Tết Nguyên đán dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt (Học bổng E)**

*a) Đối tượng*

Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật; Sinh viên không có nguồn nuôi dưỡng; Sinh viên có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ; Sinh viên ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; Sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo; Sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, con thương binh, con bệnh binh, con của nạn nhân nhiễm chất độc hóa học; Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương... có khó khăn về kinh tế (do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định) có điểm TBC HT trong học kỳ tính đến thời điểm xét học bổng từ 7,0/10 trở lên và kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên. Đối với sinh viên năm thứ nhất, nếu chưa có điểm TBCHT học kỳ 1 thì căn cứ điểm trúng tuyển/xét tuyển để lựa chọn. Đối với sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp, nếu chưa có điểm TBCHT HK thì dùng điểm TBCHT tích lũy tại thời điểm xét để lựa chọn. Dựa vào số tiền phân bổ, xét từ trên xuống dưới đến đến hết chỉ tiêu.

*b) Mức hỗ trợ*

Mức học bổng KKHT trong dịp Tết Nguyên đán dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt được nhà trường quy định cụ thể cho từng năm học căn cứ vào mức học phí và Quỹ học bổng KKHT của từng năm học.

c) Sinh viên nhận học bổng E vẫn có thể nhận học bổng A, B, C, D.

**Điều 7. Cơ chế thực hiện**

**1. Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên có kết quả học tập tốt (Học bổng A)**

a) Hàng năm, Phòng Kế hoạch tài chính sẽ trích lập Quỹ học bổng KKHT của năm học đó. Phòng/Ban Quản lý đào tạo (QLĐT) phân bổ tiền học bổng KKHT cho từng loại hình học bổng và mức học bổng. Căn cứ vào mức phân bổ tiền học bổng KKHT, Phòng/Ban QLĐT xác định số suất học bổng KKHT dành cho sinh viên đạt kết quả học tập tốt cho từng khoá học, chương trình đào tạo trong mỗi học kỳ của năm học. Căn cứ vào quỹ học bổng KKHT được phân bổ, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, Phòng/Ban QLĐT tiến hành xét học bổng theo thứ tự từ loại Xuất sắc trở xuống cho đến hết số tiền được phân bổ cho chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT HK bằng nhau thì căn cứ vào điểm rèn luyện của sinh viên tại kỳ xét để lựa chọn;
- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT HK và điểm rèn luyện bằng nhau thì căn cứ vào điểm TBCHT tích lũy tại kỳ xét của sinh viên để lựa chọn;
- Trường hợp có nhiều sinh viên có điểm TBCHT HK, điểm rèn luyện và TBCHT tích lũy tại kỳ xét bằng nhau, nếu số tiền phân bổ cho chương trình đào tạo không đủ cho các sinh viên đó thì xét chọn dừng lại ở sinh viên có mức học bổng cao hơn liền phía trên.

Số tiền thừa của các chương trình đào tạo sẽ được cộng lại để chia cho sinh viên có điểm TBCHT cao nhất trong số các sinh viên còn lại đủ điều kiện (so sánh tại cả các chương trình đào tạo của tất cả các khóa xét với nhau).

Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.



Sau khi có danh sách sinh viên dự kiến được nhận học bổng KKHT, Phòng/Ban QLĐT gửi danh sách sinh viên dự kiến nhận học bổng KKHT lên website của Phòng/Ban QLĐT để sinh viên kiểm tra trong vòng 07 ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật); tiếp theo Phòng/Ban QLĐT trình Hội đồng xét chọn học bổng KKHT thông qua danh sách chính thức.

b) Kết quả học tập của sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ được xác định theo học phần đăng ký của mỗi học kỳ. Sinh viên thuộc diện xét học bổng phải đảm bảo điều kiện tổng số tín chỉ tối thiểu 15 tín chỉ/học kỳ, trừ học kỳ sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp thì không bị ràng buộc bởi quy định tối thiểu này. Đối với sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp, điểm để xét học bổng KKHT là TBCHT tại kỳ xét bao gồm cả học phần tốt nghiệp. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

## ***2. Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên các chương trình đào tạo đặc biệt (Học bổng B)***

a) Hàng năm, căn cứ vào mức phân bổ Quỹ học bổng KKHT dành cho sinh viên các chương trình đào tạo đặc biệt, Phòng/Ban QLĐT xác định mức học bổng của từng chương trình đào tạo đặc biệt cho từng khoá học, chương trình đào tạo trong mỗi học kỳ của năm học. Căn cứ vào quỹ học bổng được phân bổ, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, Phòng/Ban QLĐT xác định số suất học bổng và tiến hành xét học bổng theo thứ tự từ loại Xuất sắc trở xuống theo tỷ lệ % những sinh viên có thành tích học tập tốt nhất trong chương trình đào tạo cho đến hết số tiền được phân bổ, cụ thể như sau:

- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT HK bằng nhau thì căn cứ vào điểm rèn luyện của sinh viên tại kỳ xét để lựa chọn;
- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT HK và điểm rèn luyện bằng nhau thì căn cứ vào điểm TBCHT tích lũy tại kỳ xét của sinh viên để lựa chọn;
- Trường hợp có nhiều sinh viên có điểm TBCHT HK, điểm rèn luyện và TBCHT tích lũy tại kỳ xét bằng nhau, nếu số tiền phân bổ cho chương trình đào tạo không đủ cho các sinh viên đó thì xét chọn dừng lại ở sinh viên có mức học bổng cao hơn liền phía trên.

Sau khi có danh sách sinh viên dự kiến được nhận học bổng KKHT, Phòng/Ban QLĐT gửi danh sách sinh viên dự kiến nhận học bổng KKHT lên website của Phòng/Ban QLĐT để sinh viên kiểm tra trong vòng 07 ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật); tiếp theo Phòng/Ban QLĐT trình Hội đồng xét chọn học bổng KKHT thông qua danh sách chính thức.

b) Kết quả học tập của sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ được xác định theo học phần đăng ký của mỗi học kỳ. Sinh viên thuộc diện xét học bổng phải đảm bảo điều kiện tổng số tín chỉ tối thiểu 15 tín chỉ/học kỳ, trừ học kỳ sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp thì không bị ràng buộc bởi quy định tối thiểu này. Đối với sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp, điểm để xét học bổng KKHT là TBCHT tại kỳ xét bao gồm cả



học phần tốt nghiệp. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

### **3. Học bổng khuyến khích học tập dành cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt (Học bổng C)**

a) Căn cứ vào Quỹ học bổng khuyến khích học tập của năm học hiện hành và mức kinh phí phân bổ cho từng loại hình học bổng, Phòng/Ban QLĐT xác định số suất học bổng của từng năm học.

b) Dựa trên mức học bổng được phê duyệt cho từng năm học, Phòng/Ban QLĐT xác định số suất học bổng cho từng khoá học, chương trình đào tạo trong mỗi học kỳ. Căn cứ vào quỹ học bổng được phân bổ, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, Phòng/Ban QLĐT tiến hành xét học bổng theo thứ tự từ loại Xuất sắc trở xuống theo tỷ lệ % những sinh viên có thành tích học tập tốt nhất trong chương trình đào tạo cho đến hết số tiền được phân bổ.

- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT HK bằng nhau thì căn cứ vào điểm rèn luyện của sinh viên tại kỳ xét để lựa chọn;
- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT HK và điểm rèn luyện bằng nhau thì căn cứ vào điểm TBCHT tích lũy tại kỳ xét của sinh viên để lựa chọn;
- Trường hợp có nhiều sinh viên có điểm TBCHT HK, điểm rèn luyện và TBCHT tích lũy tại kỳ xét bằng nhau, nếu số tiền phân bổ cho chương trình đào tạo không đủ cho các sinh viên đó thì xét chọn dừng lại ở sinh viên có mức học bổng cao hơn liền phía trên.

Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

Sau khi có danh sách sinh viên dự kiến được nhận học bổng KKHT, Phòng/Ban QLĐT gửi danh sách sinh viên dự kiến nhận học bổng KKHT lên website của Phòng/Ban QLĐT để sinh viên kiểm tra trong vòng 07 ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật); tiếp theo Phòng/Ban QLĐT trình Hội đồng xét chọn học bổng KKHT thông qua danh sách chính thức.

b) Kết quả học tập của sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ được xác định theo học phần đăng ký của mỗi học kỳ. Sinh viên thuộc diện xét học bổng phải đảm bảo điều kiện tổng số tín chỉ tối thiểu 15 tín chỉ/học kỳ, trừ học kỳ sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp thì không bị ràng buộc bởi quy định tối thiểu này. Đối với sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp, điểm để xét học bổng KKHT là TBCHT tại kỳ xét bao gồm cả học phần tốt nghiệp. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

### **4. Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên thủ khoa đầu vào, tốt nghiệp (Học bổng D)**

a) Cơ chế xét chọn:

\* Đối với thủ khoa đầu vào:

Căn cứ vào điểm trúng tuyển, xét tuyển theo các phương thức xét tuyển/tổ hợp xét tuyển của sinh viên, Phòng/Ban QLĐT tiến hành xét chọn, trường hợp một phương thức

xét tuyển/tổ hợp xét tuyển có nhiều sinh viên có điểm trúng tuyển đầu vào cao nhất bằng nhau thì tất cả các sinh viên đó đều được học bổng.

Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

\* Đối với thủ khoa tốt nghiệp:

Căn cứ vào kết quả học tập chuẩn toàn khóa (gồm 8 học kỳ chính, tương đương với 4 năm học; kết quả học tập của sinh viên tốt nghiệp sớm) theo thang điểm 4 và rèn luyện của sinh viên, Phòng/Ban QLĐT tiến hành xét chọn, trường hợp một chương trình đào tạo có nhiều sinh viên đạt điểm tổng kết cao nhất và bằng nhau (và đảm bảo tiêu chí kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên) thì tất cả các sinh viên đó đều được học bổng.

Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

b) Phòng/Ban QLĐT trình Hội đồng xét chọn học bổng KKHT thông qua danh sách thủ khoa đầu vào và thủ khoa tốt nghiệp.

**5. Học bổng khuyến khích học tập trong dịp Tết Nguyên đán dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt (Học bổng E)**

Căn cứ vào hồ sơ hoàn cảnh khó khăn của sinh viên; căn cứ vào kết quả học tập rèn luyện của sinh viên và căn cứ vào mức phân bổ Quỹ học bổng KKHT của từng năm học, Phòng/Ban QLĐT tiến hành xét học bổng KKHT trong dịp Tết Nguyên đán cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt (xét từ trên xuống dưới theo kết quả học tập cho đến hết chỉ tiêu). Trường hợp đặc biệt, do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

Phòng/Ban QLĐT trình Hội đồng xét chọn học bổng KKHT thông qua danh sách sinh viên nhận học bổng KKHT trong dịp Tết nguyên đán./.

### Chương III

#### QUY ĐỊNH VỀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ KINH PHÍ HỌC TẬP

**Điều 8. Đối tượng và mức miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập**

##### 1. Miễn học phí

a) *Đối tượng*: Sinh viên thuộc một trong các đối tượng sau đây:

- Sinh viên là thân nhân (vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) của người có công với cách mạng (liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học...) theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Sinh viên khuyết tật.

- Sinh viên (tuổi từ 16 đến 22) học đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Sinh viên người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ, hoặc cả cha và mẹ, hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

b) *Mức hỗ trợ*: Miễn 100% học phí theo quy định của Nhà trường.

## **2. Giảm 70% học phí**

a) *Đối tượng*: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b) *Mức hỗ trợ*: Giảm 70% mức học phí theo quy định của Nhà trường.

## **3. Giảm 50% học phí**

a) *Đối tượng*: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

b) *Mức hỗ trợ*: Giảm 50% mức học phí theo quy định của Nhà trường.

## **4. Hỗ trợ chi phí học tập**

a) *Đối tượng*: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, không áp dụng đối với sinh viên: Hệ cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

b) *Mức hỗ trợ*: Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước và được hưởng 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức tại Trường.

## **Điều 9. Cơ chế thực hiện**

### **1. Miễn giảm học phí**

a) Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Trường, trừ trường hợp có những thay đổi về điều kiện miễn hoặc giảm học phí.

b) Căn cứ vào hồ sơ xin miễn giảm học phí của sinh viên và quy định về miễn giảm học phí hiện hành của Nhà nước và Nhà trường, Phòng CTCT&SV tổng hợp danh sách trình Hội đồng xét duyệt và Hội đồng xét duyệt trình Hiệu trưởng ra quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên.

c) Phòng CTCT&SV quy định chi tiết trình tự, thủ tục xin miễn giảm học phí cho sinh viên và thông báo về trình tự, thủ tục xin miễn giảm học phí cho sinh viên.

### **2. Hỗ trợ chi phí học tập**

a) Hỗ trợ chi phí học tập sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Trường, trừ trường hợp có những thay đổi về điều kiện được nhận khoản hỗ trợ.

b) Căn cứ vào hồ sơ xin hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên và quy định về hỗ trợ kinh phí học tập của Nhà nước và Nhà trường, Phòng CTCT&SV tổng hợp danh sách trình Hội đồng xét duyệt và Hội đồng xét duyệt trình Hiệu trưởng ra quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên.

c) Phòng CTCT&SV quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xin hỗ trợ chi phí cho sinh viên và thông báo cho sinh viên.

## **Chương IV**

### **QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CUỘC THI CHUYÊN MÔN**

**Điều 10. Các hoạt động NCKH và cuộc thi chuyên môn của sinh viên được hỗ trợ, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện**

#### **1. Các cuộc thi sinh viên NCKH của Trường**

a) *Đối tượng:* Các cuộc thi SV NCKH dành cho sinh viên bao gồm:

- Cuộc thi SV NCKH của đơn vị/Vòng Sơ khảo Cuộc thi SV NCKH cấp Trường (không quá 02 cuộc thi/đơn vị/năm học)

- Cuộc thi SV NCKH của Trường/Vòng Chung khảo Cuộc thi SV NCKH cấp Trường (không quá 04 cuộc thi/năm học)

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Nhà trường hỗ trợ kinh phí tổ chức cuộc thi SV NCKH dựa trên dự toán kinh phí được duyệt.

Kinh phí nêu trên nhằm hỗ trợ cho các khoản chi phí tổ chức các cuộc thi như: Chi phí tập huấn, đào tạo về NCKH, hỗ trợ sinh viên có công trình nghiên cứu tham dự, thù lao chấm công trình, chi phí họp ban tổ chức cuộc thi, chi thù lao hướng dẫn sinh viên, khen thưởng sinh viên đạt giải, chi phí văn phòng phẩm, nước uống, teabreak và các khoản chi khác phục vụ tổ chức cuộc thi.

Định mức các khoản chi cho các cuộc thi SV NCKH căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường, Phòng Quản lý Khoa học (QLKH) và các đơn vị đầu mối thực hiện thanh quyết toán khoản hỗ trợ này cho sinh viên.

#### **2. Các cuộc thi chuyên môn trong Trường**

a) *Đối tượng:* Mỗi CLB hoặc đơn vị chuyên môn trong Trường được tổ chức tối đa 02 cuộc thi chuyên môn một năm. Nhà trường khuyến khích các CLB/Đơn vị tìm kiếm nguồn tài trợ ngoài Trường cho các cuộc thi chuyên môn và nêu rõ các nguồn tài trợ dự kiến trong đề xuất tổ chức. Tỷ lệ kinh phí cuộc thi được tài trợ từ nguồn ngoài Trường là một trong những căn cứ quan trọng để Nhà trường đánh giá hiệu quả hoạt động và lựa chọn CLB/Đơn vị chủ trì tổ chức cuộc thi chuyên môn.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Nhà trường hỗ trợ kinh phí tổ chức cuộc thi chuyên môn dựa trên nội dung cuộc thi và dự toán kinh phí do CLB hoặc đơn vị chuyên môn đề xuất và được BGH phê duyệt.

Kinh phí hỗ trợ nêu trên nhằm tài trợ cho các khoản chi phí tổ chức cuộc thi bao gồm: chi phí tiền công, tiền thưởng, thanh toán dịch vụ công cộng, mua sắm vật tư, chi phí thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi phí hội nghị, chi phí đi lại, công tác phí, chi phí thuê mượn... Định mức các khoản chi cho các cuộc thi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định.

CLB/Đơn vị tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

### **3. Các cuộc thi chuyên môn, cuộc thi NCKH ngoài Trường**

a) *Đối tượng*: Sinh viên tham gia các cuộc thi chuyên môn/cuộc thi NCKH các cấp ngoài Trường do Nhà trường cử đi. Nhà trường tài trợ cho các khoản chi mà sinh viên chưa được tài trợ từ các nguồn khác.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô, địa điểm tổ chức của từng cuộc thi, trên cơ sở đề xuất của đơn vị chuyên môn hoặc Phòng QLKH. Cụ thể, Phòng QLKH và/hoặc các đơn vị đề xuất việc cử sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH, các cuộc thi chuyên môn ngoài Trường.

Định mức các khoản chi cho các cuộc thi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

### **4. Các dự án phục vụ hoạt động của Nhà trường**

a) *Đối tượng*: Các dự án phục vụ mục tiêu và chiến lược phát triển của Trường do Nhà trường đặt hàng hoặc do các CLB/Đơn vị đề xuất được Nhà trường lựa chọn. Nhà trường khuyến khích các CLB/Đơn vị tìm kiếm nguồn tài trợ ngoài Trường cho các dự án và nêu rõ các nguồn tài trợ dự kiến trong đề xuất dự án. Tỷ lệ kinh phí cuộc thi được tài trợ từ nguồn ngoài Trường là một trong những căn cứ quan trọng để Nhà trường đánh giá hiệu quả hoạt động và lựa chọn CLB/Đơn vị chủ trì thực hiện dự án.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*:

Kinh phí của Nhà trường tài trợ cho các dự án được chia làm 04 mức phụ thuộc vào quy mô và đặc điểm của từng dự án:

- Mức A là những dự án đặc biệt, có quy mô lớn, sáng tạo, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của Nhà trường, có phạm vi ảnh hưởng tới cộng đồng và xã hội: kinh phí do Hiệu trưởng quyết định.

- Mức B là những dự án có quy mô lớn, có sự tham gia của sinh viên của nhiều Đơn vị, có ý nghĩa đối với sự phát triển của toàn Trường: tối đa 100 triệu đồng/dự án.

- Mức C là những dự án có quy mô vừa, có sự tham gia của nhiều sinh viên của một Đơn vị trong Trường, có ý nghĩa đối với sự phát triển của nhiều Đơn vị trong Trường: tối đa 50 triệu đồng/dự án.

- Mức D là những dự án có quy mô nhỏ, có ý nghĩa đối với sự phát triển của một hoặc nhiều Đơn vị trong Trường: tối đa 30 triệu đồng/dự án.

Nhà trường sẽ thành lập hội đồng đánh giá dự án để lựa chọn các dự án phù hợp nhất và xác định mức kinh phí hỗ trợ đối với từng dự án trên cơ sở các mức hỗ trợ nêu

trên. Tiêu chí lựa chọn dự án sẽ phụ thuộc vào yêu cầu mục tiêu cụ thể của từng đề xuất dự án.

CLB/Đơn vị có dự án được lựa chọn có trách nhiệm lập dự toán sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường, làm cơ sở tạm ứng kinh phí được hỗ trợ và thực hiện quyết toán số kinh phí được hỗ trợ căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế. Thời điểm quyết toán: trong vòng 05 ngày sau khi kết thúc dự án.

Kinh phí hỗ trợ dự án nhằm tài trợ cho các khoản chi phí thực hiện dự án bao gồm: chi phí tiền công, tiền thưởng, thanh toán dịch vụ công cộng, mua sắm vật tư, chi phí thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi phí hội nghị, công tác phí, chi phí khảo sát, điều tra, chi phí thuê mướn... Định mức các khoản chi cho các cuộc thi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. CLB/Đơn vị có dự án được lựa chọn có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

### **5. Các đề tài cấp cơ sở**

a) *Đối tượng:* Đề tài cấp cơ sở do sinh viên là chủ nhiệm, tuân thủ theo các quy định hiện hành của đề tài cấp cơ sở.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Mức hỗ trợ sẽ căn cứ vào mức kinh phí chi cho các đề tài cấp cơ sở theo các quy định hiện hành và được trích từ nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên. Cơ chế thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành của đề tài cấp cơ sở.

### **6. Các chuyên đề nghiên cứu do sinh viên thực hiện**

a) *Đối tượng:* Chuyên đề nghiên cứu do sinh viên là chủ nhiệm, tuân thủ theo các quy định hiện hành của chuyên đề nghiên cứu.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Mức hỗ trợ tùy thuộc vào nội dung và phạm vi nghiên cứu của chuyên đề nhưng không vượt quá mức kinh phí chi cho đề tài cấp cơ sở. Phòng QLKH đề xuất trình Hiệu trưởng quyết định mức chi cho từng chuyên đề nghiên cứu cụ thể.

### **7. Nâng cấp bài viết Working Paper Series**

a) *Đối tượng:* Các bài viết Working Paper Series có chất lượng tốt, có khả năng nâng cấp thành các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí có uy tín trong nước (thuộc danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm) và ngoài nước (thuộc danh mục ISI/Scopus do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín theo quy định của Quỹ Nafosted công bố).

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Đối với các bài viết được nâng cấp và được đăng trên các tạp chí trong nước (bằng tiếng Việt), Nhà trường sẽ chi hỗ trợ với mức không vượt quá mức chi hỗ trợ cho các bài viết được đăng trên các tạp chí trong nước (bằng tiếng Việt) của Trường theo các quy định hiện hành.

Đối với các bài viết được nâng cấp và được đăng tải trên các tạp chí trong nước (bằng tiếng Anh), Nhà trường sẽ chi hỗ trợ với mức không vượt quá mức chi hỗ trợ cho các bài viết được đăng trên các tạp chí trong nước (bằng tiếng Anh) của Trường theo các quy định hiện hành.

Đối với bài viết được nâng cấp và được đăng trên các tạp chí/chương sách quốc tế, Nhà trường sẽ chi hỗ trợ theo định mức thưởng bài báo/chương sách trong Quy chế chi tiêu nội bộ (điều kiện và mức thưởng áp dụng cho các tạp chí/chương sách quốc tế). Việc chi thưởng cho sinh viên được tính và thực hiện như áp dụng cho giảng viên.

#### **8. Phát triển tiềm lực KHCN cho sinh viên**

##### **a) Đối tượng:**

- Tài sản trí tuệ, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị nhằm hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KHCN của sinh viên.

- Các hội nghị, hội thảo, khóa học đào tạo về phương pháp, kiến thức, kỹ năng nghiên cứu cho sinh viên và các hoạt động hỗ trợ khác nhằm phát triển năng lực NCKH của sinh viên.

##### **b) Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:**

- Đối với dự án đầu tư cơ sở dữ liệu, trang thiết bị phục vụ NCKH cho sinh viên: Nhà trường hỗ trợ 100% chi phí đầu tư trên cơ sở dự án đề xuất và dự toán của đơn vị chủ trì được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Đối với hội nghị, hội thảo, khóa học đào tạo phương pháp, năng lực nghiên cứu cho sinh viên và các hoạt động hỗ trợ khác: Nhà trường hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hoạt động dựa trên đề xuất và dự toán của đơn vị chủ trì được Hiệu trưởng phê duyệt. Định mức các khoản chi cho các hoạt động trên căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định.

### **Chương V**

#### **QUY ĐỊNH VỀ QUỸ HỌC BỔNG CHO VAY FTU-MABUCHI**

##### **Điều 11. Đối tượng và mức hỗ trợ**

1) *Đối tượng:* Sinh viên đại học hệ chính quy Trường đại học Ngoại thương có hoàn cảnh khó khăn.

2) *Mức học bổng cho vay:* Sinh viên được vay hàng tháng trong tối đa 04 năm học (10 tháng/năm học). Mức vay hàng tháng căn cứ vào thỏa thuận giữa Tài đoàn học bổng quốc tế Mabuchi và Trường Đại học Ngoại thương. Lãi suất khoản vay là 0% trong suốt thời gian vay và tối đa 48 tháng sau khi tốt nghiệp.

Mức học bổng cho vay hiện hành; **1.500.000 đồng/sinh viên/tháng** trong tối đa 4 năm học (10 tháng/năm), tối đa **60.000.000 đồng/4 năm học**.

##### **Điều 12. Cơ chế thực hiện**

1) Thời gian cho vay: Cho vay hàng tháng trong tối đa 04 năm học tại Trường.

2) Thời hạn trả nợ: Sinh viên bắt đầu trả nợ sau 03 tháng kể từ khi tốt nghiệp ra trường và trả dần cho đến hết trong vòng 48 tháng (nếu quá thời hạn 48 tháng sau khi tốt nghiệp, số tiền thực vay còn lại sẽ bị tính lãi suất 15%/năm). Sinh viên được khuyến khích trả nợ trước thời hạn nêu trên.

3) Các điều kiện, mức học bổng cho vay và điều khoản vay trên đây có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận của Quỹ học bổng FTU-Mabuchi giữa Trường Đại học Ngoại thương và Tài đoàn học bổng Mabuchi qua từng thời kỳ.

4) Việc cấp học bổng cho vay FTU-Mabuchi sẽ được thực hiện trong suốt thời gian sinh viên học tập tại Trường, trừ trường hợp sinh viên có đơn xin dừng cấp học bổng.

5) Căn cứ vào hồ sơ xin cấp học bổng cho vay FTU-Mabuchi vào đầu năm học, Ban Quản lý Quỹ học bổng FTU-Mabuchi xét duyệt và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách sinh viên được nhận học bổng.

6) Căn cứ vào danh sách sinh viên được nhận học bổng đã được phê duyệt, sinh viên ký kết hợp đồng tín dụng với Nhà trường để vay tiền với mục đích sử dụng cho việc học tập tại Trường. Ban quản lý quỹ học bổng FTU-Mabuchi tiến hành thanh toán học bổng cho vay cho sinh viên định kỳ hàng tháng.

7) Ban Quản lý Quỹ học bổng FTU-Mabuchi có trách nhiệm thông báo về Quỹ học bổng cho vay FTU-Mabuchi và hướng dẫn trình tự, thủ tục hồ sơ xin xét học bổng cho các sinh viên.

8) Sinh viên phải nộp báo cáo định kỳ về kết quả học tập và rèn luyện cho Ban quản lý quỹ FTU-Mabuchi 02 lần/năm học. Sinh viên bị buộc thôi học, cảnh báo kết quả học tập, ... không được tiếp tục vay vốn. Sinh viên/ Người bảo lãnh căn cứ trên hợp đồng tín dụng đã ký kết phải có trách nhiệm hoàn trả đủ số tiền đã được cấp cho vay.

## Chương VI

### QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN

**Điều 13: Đối tượng, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện đối với hoạt động khởi nghiệp của sinh viên**

#### *1. Các cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc gia hoặc cấp quốc tế*

a) *Đối tượng:* Sinh viên tham gia các cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc gia hoặc cấp quốc tế do Nhà trường cử tham dự.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô, địa điểm tổ chức của từng cuộc thi, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị chức năng và/hoặc Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo FTU (FIIS).

Kinh phí hỗ trợ nêu trên nhằm tài trợ cho các khoản chi phí phát triển dự án và tham gia cuộc thi bao gồm: chi phí xây dựng gian hàng, chi phí làm sản phẩm mẫu, phí đăng ký, chi phí ăn ở, chi phí đi lại, công tác phí, chi phí thuê mướn, phí visa (nếu có),...

Định mức các khoản chi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

#### *2. Chương trình ươm tạo khởi nghiệp dành cho sinh viên*

a) *Đối tượng*: Sinh viên tham gia các dự án khởi nghiệp được lựa chọn vào các chương trình ươm tạo của Trường. Nhà trường khuyến khích sinh viên tìm kiếm nguồn tài trợ ngoài Trường cho các dự án.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô của từng chương trình ươm tạo trên cơ sở đề xuất của Trung tâm FIIS. Định mức các khoản chi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định.

### 3. *Triển khai các dự án khởi nghiệp do sinh viên sáng lập*

a) *Đối tượng*: Hoạt động triển khai các dự án khởi nghiệp do sinh viên là người sáng lập và được hội đồng đánh giá lựa chọn. Nhà trường khuyến khích sinh viên tìm kiếm nguồn tài trợ ngoài Trường để triển khai dự án.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô của từng dự án và dựa trên dự toán kinh phí được duyệt.

Nhà trường sẽ thành lập hội đồng đánh giá dự án để lựa chọn các dự án khởi nghiệp phù hợp nhất và xác định mức kinh phí hỗ trợ đối với từng dự án. Tiêu chí lựa chọn dự án sẽ phụ thuộc vào yêu cầu mục tiêu cụ thể và mức độ khả thi của từng đề xuất triển khai.

Sinh viên có dự án được lựa chọn có trách nhiệm lập dự toán sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường, làm cơ sở tạm ứng kinh phí được hỗ trợ và thực hiện quyết toán số kinh phí được hỗ trợ căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế. Trung tâm FIIS là đầu mối thực hiện các hoạt động thanh quyết toán khoản hỗ trợ này cho sinh viên. Thời điểm quyết toán: trong vòng 05 ngày sau khi kết thúc dự án.

Kinh phí hỗ trợ dự án nhằm tài trợ cho các khoản chi phí để triển khai dự án khởi nghiệp bao gồm: chi phí mua sắm vật tư, chi phí thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi phí hội nghị, công tác phí, chi phí khảo sát, điều tra, chi phí thuê mướn... Định mức các khoản chi để triển khai dự án khởi nghiệp căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có dự án được lựa chọn có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

### **Điều 14: Đối tượng, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện đối với hoạt động đổi mới sáng tạo của sinh viên**

a) *Đối tượng*: Sinh viên có các ý tưởng và dự án mang lại giải pháp cho các vấn đề thách thức, bất cập trong và ngoài Trường và được hội đồng đánh giá hoạt động đổi mới sáng tạo lựa chọn.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô của từng dự án đổi mới sáng tạo trên cơ sở đề xuất của đơn vị chức năng (Trung tâm FIIS, Trung tâm HTSV, Phòng CTCT&SV).

Nhà trường sẽ thành lập hội đồng đánh giá để lựa chọn các dự án đổi mới sáng tạo phù hợp nhất và xác định mức kinh phí hỗ trợ đối với từng dự án. Tiêu chí lựa chọn sẽ phụ thuộc vào mục tiêu cụ thể và mức độ khả thi của từng đề xuất dự án.

Sinh viên có dự án được lựa chọn có trách nhiệm lập dự toán sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường, làm cơ sở tạm ứng kinh phí được hỗ trợ và thực hiện quyết toán số kinh phí được hỗ trợ căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế. Các đơn vị chức năng (Trung tâm FIIS, Trung tâm HTSV, Phòng CTCT&SV) là đầu mối thực hiện các hoạt động thanh quyết toán khoản hỗ trợ này cho sinh viên. Thời điểm quyết toán: trong vòng 05 ngày sau khi kết thúc dự án.

Định mức các khoản chi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có ý tưởng và dự án được lựa chọn có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 15: Đối tượng, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện đối với hoạt động đào tạo nâng cao năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên**

a) *Đối tượng*: Sinh viên tham gia các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô của từng hoạt động đào tạo trên cơ sở đề xuất của đơn vị chức năng (Trung tâm FIIS, Trung tâm HTSV, Phòng CTCT&SV).

Định mức các khoản chi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

## Chương VII

### QUY ĐỊNH VỀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC DÀNH CHO SINH VIÊN

**Điều 16. Đối tượng, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện**

**1. Ưu tiên bố trí chỗ ở ký túc xá và miễn giảm lệ phí ký túc xá cho sinh viên thuộc diện chính sách và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn**

a) *Đối tượng*: Sinh viên thuộc diện chính sách và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo, cận nghèo) được ưu tiên bố trí chỗ ở ký túc xá (KTX) của nhà trường nếu có nhu cầu.

b) *Điều kiện được hưởng ưu tiên*: Căn cứ vào minh chứng chứng minh sinh viên thuộc diện chính sách hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo, cận nghèo) và đơn xin đăng ký ở KTX, Ban Quản lý KTX xem xét và sắp xếp chỗ ở cho sinh viên trên nguyên tắc việc bố trí chỗ ở ký túc xá phải được xét lần lượt hết các đối tượng ưu tiên, còn lại mới sắp xếp cho các đối tượng không thuộc diện ưu tiên.

c) *Mức hỗ trợ*: Mức lệ phí KTX dành cho đối tượng thuộc diện ưu tiên bằng 50% mức lệ phí dành cho sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong năm đầu tiên. Kể từ năm thứ 2, sinh viên thuộc diện ưu tiên phải đóng lệ phí KTX tương đương mức lệ phí dành cho đối tượng không thuộc diện ưu tiên.

**2. Hỗ trợ tài chính cho sinh viên trong các trường hợp khó khăn đột xuất (không phụ thuộc vào kết quả học tập)**



a) *Đối tượng*: sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đột xuất được Nhà trường xem xét từng trường hợp cụ thể như mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn và một số trường hợp đặc biệt khác.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Hiệu trưởng quyết định mức hỗ trợ cho từng trường hợp cụ thể. Theo đề nghị của các đơn vị chức năng, Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định hỗ trợ từng trường hợp cụ thể trên tinh thần nhân văn, nhân đạo, hỗ trợ các em sinh viên trong hoàn cảnh khó khăn đột xuất.

### **3. Hỗ trợ chi phí hoạt động thường niên cho các câu lạc bộ sinh viên**

a) *Đối tượng*: Tất cả các câu lạc bộ sinh viên (CLB) trong toàn trường.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Mỗi CLB sẽ được hỗ trợ mức kinh phí 7 triệu đồng/năm học, trong đó: (i) khoản kinh phí 4 triệu đồng/năm học cho các chi phí đi lại, chi phí điện thoại phục vụ công tác của Chủ tịch và Phó Chủ tịch CLB, chi phí văn phòng phẩm, photo tài liệu và nước uống cho CLB; và (ii) các chi phí hoạt động và chi phí hành chính khác không quá 3 triệu đồng/năm học.

Các CLB được hoàn toàn chủ động sử dụng số tiền hỗ trợ nêu trên cho hoạt động hành chính của CLB nhưng phải đảm bảo chi tiêu đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. ĐTN là đầu mối có trách nhiệm quyết toán kinh phí chi cho CLB với Nhà trường thông qua Phòng KH-TC căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế.

### **4. Hỗ trợ chi phí hành chính cho Đoàn thanh niên**

a) *Đối tượng*: Đoàn thanh niên (ĐTN) ở Trụ sở chính và 2 cơ sở

b) *Mức hỗ trợ hàng năm và cơ chế thực hiện*:

- ĐTN Trụ sở chính Hà nội: 50 triệu đồng/năm học
- ĐTN Cơ sở II TP.HCM: 30 triệu đồng/năm học
- ĐTN Cơ sở Quảng Ninh: 10 triệu đồng/năm học

Mức hỗ trợ nêu trên nhằm mục đích hỗ trợ chi phí hoạt động hành chính thường xuyên của ĐTN như tiền văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, nước uống, chi phí đi lại phục vụ công việc chung của ĐTN và các chi phí hành chính khác.

ĐTN được hoàn toàn chủ động sử dụng số tiền hỗ trợ nêu trên cho hoạt động hành chính của ĐTN nhưng phải đảm bảo chi tiêu đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và có trách nhiệm quyết toán với Nhà trường thông qua Phòng KH-TC căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế.

### **5. Phụ cấp cho sinh viên là cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, chủ tịch CLB sinh viên, cán bộ lớp**

a) *Đối tượng*: Sinh viên là cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, chủ tịch CLB sinh viên, cán bộ lớp, cụ thể: Sinh viên là ủy viên Ban chấp hành Đoàn, ủy viên Ban chấp hành Hội sinh viên, chi hội trưởng Chi hội sinh viên, chủ tịch Câu lạc bộ sinh viên, bí thư Chi đoàn, lớp trưởng lớp hành chính.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường quy định mức phụ cấp cho sinh viên là cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, cán bộ lớp cho từng năm học. Căn cứ vào mức phụ cấp quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, văn phòng ĐTN có trách nhiệm phối hợp với

Phòng KH-TC thực hiện thủ tục chi trả khoản hỗ trợ cho các em sinh viên là cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, chủ tịch CLB sinh viên, cán bộ lớp hành chính theo quy định.

### **6. Hỗ trợ các hoạt động phong trào của Đoàn Thanh Niên**

a) *Đối tượng*: Các hoạt động phong trào của sinh viên do ĐTN, Hội sinh viên chủ trì thực hiện, trừ những hoạt động về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại Chương VI của Quy định này. Các hoạt động phong trào được hỗ trợ gồm có: Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức pháp luật, phong trào học tập và NCKH, văn hóa, văn nghệ, thể thao, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng (mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, đông âm...), xây dựng văn minh Đại học Ngoại thương và các hoạt động phong trào khác.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ trì thực hiện và kế hoạch ngân sách hàng năm của đơn vị.

### **7. Hỗ trợ các hoạt động theo nhiệm vụ nhà trường giao**

a) *Đối tượng*: Đơn vị/CLB được nhà trường giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định. Trên cơ sở nhiệm vụ do Nhà trường đề xuất, ĐTN, HSV xây dựng đề án, chương trình hành động và dự toán kinh phí kèm theo trình Hiệu trưởng xét duyệt.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở dự toán được duyệt của đơn vị thực hiện.

### **8. Phần thưởng cho sinh viên đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong học tập, nghiên cứu và hoạt động phong trào**

a) *Đối tượng*:

Sinh viên đạt giải cấp trường, cấp thành phố, cấp vùng miền, cấp quốc gia, cấp quốc tế ở tất cả các lĩnh vực.

b) *Mức thưởng và cơ chế thực hiện*: Mức thưởng cụ thể do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của các đơn vị chức năng.

### **9. Hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán cho sinh viên**

a) *Đối tượng*:

Đối tượng được hưởng hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán tại điều này bao gồm tất cả sinh viên hệ đào tạo chính quy nhưng không thuộc đối tượng được nhận học bổng KKHT trong dịp Tết Nguyên đán dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả tốt trong học tập quy định tại điều 5 chương II quy định này.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*:

Mức hỗ trợ sẽ được Nhà trường quy định cụ thể theo từng năm học trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

Căn cứ vào danh sách sinh viên và mức hỗ trợ tiền tết Nguyên Đán quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Phòng QLĐT lập danh sách sinh viên được nhận tiền tết cho từng lớp trình Hiệu trưởng phê duyệt. Căn cứ vào danh sách được phê duyệt, Phòng KH-TC có trách nhiệm thực hiện thanh toán cho sinh viên khoản hỗ trợ này.

### **10. Hỗ trợ công tác hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm cho sinh viên**

a) *Đối tượng*: Các hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm cho sinh viên. Cụ thể:

- Tư vấn, giới thiệu về ngành, chuyên ngành đào tạo, các buổi đào tạo, chia sẻ, nhằm định hướng nghề nghiệp cho sinh viên;
- Các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết sau khi tốt nghiệp;
- Các buổi định hướng đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa;
- Các buổi tham quan, thực tế tại doanh nghiệp;
- Tổ chức ngày hội tư vấn việc làm, kết nối giữa nhà tuyển dụng và sinh viên;
- Các hoạt động hỗ trợ khác.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Tùy vào tình hình tài chính của Quỹ hỗ trợ sinh viên, Hiệu trưởng sẽ phê duyệt mức hỗ trợ cho từng hoạt động căn cứ trên tờ trình và dự toán kinh phí của từng hoạt động.

### **11. Hỗ trợ chuyên môn cho các CLB sinh viên**

Tùy thuộc vào nội dung, mục tiêu hoạt động của từng CLB và căn cứ vào chuyên môn của các Viện/Khoa, các Viện/Khoa có trách nhiệm hỗ trợ miễn phí cho các CLB sinh viên về mặt chuyên môn trên tinh thần tạo điều kiện thuận lợi nhất để các em phát huy sự năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp thông qua các hoạt động ngoại khóa.

### **12. Hỗ trợ khác**

Ngoài các khoản hỗ trợ nêu trên, Hiệu trưởng sẽ quyết định các khoản hỗ trợ khác cho sinh viên căn cứ theo nhu cầu thực tế, bao gồm cả việc hỗ trợ cho hoạt động ngoại khóa do Phòng CTCT&SV và đơn vị chuyên môn triển khai. Tuy nhiên, mục đích các khoản hỗ trợ này phải đảm bảo phục vụ cho hoạt động của Nhà trường nói chung và hỗ trợ hoạt động của sinh viên nói riêng.

## **Chương VIII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Công khai danh sách sinh viên được nhận học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí học tập**

Nhà trường thông báo công khai kết quả xét chọn và danh sách sinh viên được cấp học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí học tập trên SmartOffice, website và bảng tin sinh viên trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu phát học bổng, trợ cấp.

**Điều 18. Trách nhiệm của các phòng ban**

#### **1. Trách nhiệm của Phòng QLDT**

- a) Là đầu mối thông tin về các loại học bổng, chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí học tập cho sinh viên;
- b) Xác định số suất học bổng và tiến hành xét học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định này;
- c) Trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách sinh viên được cấp học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí học tập;
- d) Phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai Quy định này.

#### **2. Trách nhiệm của Phòng QLKH**



- a) Xây dựng quy trình, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên NCKH
- b) Phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai Quy định này.

### **3. Trách nhiệm của Phòng CTCT&SV**

- a) Phối hợp với Phòng QLĐT quy định chi tiết trình tự làm thủ tục miễn giảm học phí cho sinh viên và thông báo về trình tự, thủ tục xin miễn giảm học phí cho sinh viên chậm nhất 01 tháng sau khi sinh viên tiến hành nhập học;
- b) Xét và lập hồ sơ đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng sinh viên trong hoạt động phong trào, thể dục thể thao, học tập và rèn luyện;
- c) Phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai Quy định này.

### **4. Trách nhiệm của Đoàn Thanh Niên**

- a) Là đầu mối xây dựng, tập hợp các kế hoạch, đề xuất, chương trình hoạt động của ĐTN, HSV và của các CLB sinh viên.
- b) Là đơn vị thường trực triển khai các kế hoạch hoạt động phong trào đã được Nhà trường phê duyệt.
- c) Phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai Quy định này.

### **5. Trách nhiệm của Trung tâm FIIS**

- a) Là đầu mối xây dựng, tập hợp các kế hoạch, đề xuất, thành lập hội đồng đánh giá đối với các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên.
- b) Phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai Quy định này.

### **6. Trách nhiệm của Phòng KH-TC**

- a) Là đầu mối được Nhà trường giao điều phối việc sử dụng các quỹ hỗ trợ sinh viên trong toàn trường;
- b) Trích lập và phân bổ các quỹ theo quy định;
- c) Kiểm tra và trình Hiệu trưởng xét duyệt dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ sinh viên;
- d) Kịp thời xét duyệt thanh quyết toán các khoản hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định tài chính hiện hành;
- e) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ tài chính đối với sinh viên;
- g) Phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai Quy định này.

## **Chương IX**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19.** Các đơn vị có trách nhiệm cụ thể hóa và ban hành hướng dẫn chi tiết về những vấn đề đơn vị mình phụ trách cho phù hợp với điều kiện thực tế, nhưng không được trái với quy định này.

**Điều 20.** Quy định này được phổ biến cho tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và các đơn vị trong toàn trường được biết. Toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên và các đơn vị trong toàn trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy định này.



**Điều 21.** Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị góp ý bằng văn bản gửi tới Ban Giám Hiệu (thông qua Phòng KH-TC) để xem xét, điều chỉnh hoặc bổ sung cho phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG *Tr* *HWS*  
*Duy* *M*  
  
\* PGS.TS. Bùi Anh Tuấn